

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

---

Tháng 03 năm 2015

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

11/02  
C  
TRÁCH  
KI  
V  
D  
D  
D

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Văn Bàn	Chủ tịch
Ông Vũ Phi Hồ	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 01/06/2014)
Ông Phạm Bình Nguyên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/06/2014)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Phi Hồ	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/03/2014)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Phi Hồ**  
Tổng Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Số: /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2015, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào, nên chúng tôi không có cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn. Giá gốc của khoản đầu tư đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính tài thời điểm 31/12/2014 với số tiền là 4.730.835.820 đồng.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15  
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

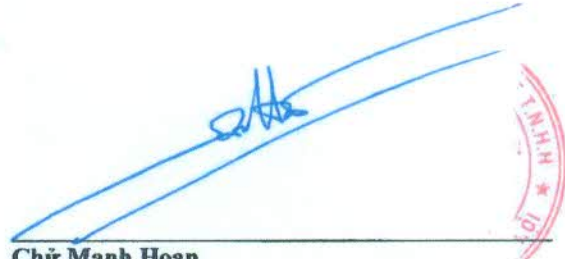
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán số 233/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 27/03/2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Đức Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>84.094.833.252</b>	<b>37.530.156.595</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.757.989.488</b>	<b>2.854.763.595</b>
1. Tiền	111		1.757.989.488	2.854.763.595
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.875.375.610</b>	<b>15.216.078.635</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	28.349.599.459	12.050.606.785
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.332.429.664	1.829.842.982
3. Các khoản phải thu khác	135	8	3.091.203.807	2.477.488.095
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.897.857.320)	(1.141.859.227)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>42.992.498.614</b>	<b>16.450.318.735</b>
1. Hàng tồn kho	141		42.992.498.614	16.450.318.735
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.468.969.540</b>	<b>3.008.995.630</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.015.052.197	1.771.428.028
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		758.455.131	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.695.462.212	1.237.567.602
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>122.375.969.900</b>	<b>80.377.961.537</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>95.447.821.571</b>	<b>70.286.071.194</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	47.307.650.370	42.562.809.044
- Nguyên giá	222		101.370.326.369	89.217.656.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.062.675.999)	(46.654.847.888)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	906.862.954	1.047.541.626
- Nguyên giá	228		1.845.379.086	1.845.379.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(938.516.132)	(797.837.460)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	47.233.308.247	26.675.720.524
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.773.938.476</b>	<b>6.573.532.491</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	247.610.090
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	1.475.086.581	1.475.086.581
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	18.096.251.895	4.850.835.820
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(1.797.400.000)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.154.209.853</b>	<b>3.518.357.852</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	3.255.510.591	2.864.053.590
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		385.238.623	385.238.623
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	5.513.460.639	269.065.639
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>206.470.803.152</b>	<b>117.908.118.132</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>79.252.051.422</b>	<b>55.619.295.239</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79.234.051.422</b>	<b>55.601.295.239</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	38.250.305.119	13.609.690.207
2. Phải trả người bán	312	21	13.100.573.017	6.045.793.287
3. Người mua trả tiền trước	313	22	4.960.028.577	21.082.587.103
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	3.294.088.397	548.083.819
5. Phải trả người lao động	315	24	9.254.580.959	3.244.618.246
6. Chi phí phải trả	316		122.367.267	47.490.985
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	10.252.108.086	11.023.031.592
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.000.000</b>	<b>18.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		18.000.000	18.000.000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>127.218.751.730</b>	<b>62.288.822.893</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>127.218.751.730</b>	<b>62.288.822.893</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	60.347.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.890.739
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.374.860.593	11.374.860.593
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.025.846.951	2.025.846.951
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.612.131.004)	(28.511.775.390)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>206.470.803.152</b>	<b>117.908.118.132</b>



Trần Thị Yên  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Phi Hồ  
Tổng Giám đốc  
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		75.324.702.474	13.155.451.927
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		48.819.581	165.386.166
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	75.275.882.893	12.990.065.761
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	53.602.319.552	26.963.888.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.673.563.341	(13.973.822.481)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		15.852.872	1.130.474.816
7. Chi phí tài chính	22	31	3.889.019.176	2.117.698.367
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.792.745.194	1.248.931.840
8. Chi phí bán hàng	24		234.109.970	320.174.194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32	11.308.622.496	7.338.659.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.257.664.571	(22.619.879.611)
11. Thu nhập khác	31		3.242.675.940	4.785.354.762
12. Chi phí khác	32		1.600.696.125	3.049.170.668
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	1.641.979.815	1.736.184.094
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.899.644.386	(20.883.695.517)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.899.644.386	(20.883.695.517)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.156	(3.590)

*Trần Thị Yên*

Trần Thị Yên  
Người lập biểu

*Nguyễn Văn Chi*

Nguyễn Văn Chi  
Kế toán trưởng



*Vũ Phi Hồ*

Vũ Phi Hồ  
Tổng Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1	7.899.644.386	(20.883.695.517)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	7.548.506.783	6.508.637.197
Các khoản dự phòng	3	3.553.398.093	(11.672.922)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	868.766.527
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(72.316.508)	(957.852.765)
Chi phí lãi vay	6	1.792.745.194	1.248.931.840
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	20.721.977.948	(13.226.885.640)
Thay đổi các khoản phải thu	9	(18.932.205.330)	5.622.018.086
Thay đổi hàng tồn kho	10	(26.542.179.879)	10.068.670.839
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.632.756.183	(9.688.723.673)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(4.635.081.170)	(1.140.458.426)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.680.548.748)	(1.092.632.388)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.702.289.610)	(49.100.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(13.137.570.606)	(9.507.111.202)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.827.916.209)	(1.949.316.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.906.636.364
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.245.416.075)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	56.103.375	3.120.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.316.508	107.474.816
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(33.944.912.401)	3.184.794.610
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	7.622.407.960
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	67.572.904.610	15.940.133.060
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(21.587.195.710)	(14.884.723.599)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	45.985.708.900	8.677.817.421
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(1.096.774.107)	2.355.500.829
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.854.763.595	499.262.766
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.757.989.488	2.854.763.595

*Trần Thị Yến*

Trần Thị Yến  
Người lập biểu

*Nguyễn Văn Chi*

Nguyễn Văn Chi  
Kê toán trưởng



*Vũ Phi Hồ*  
Vũ Phi Hồ  
Tổng Giám đốc  
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghệ - Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn (nay là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn), được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/04/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/03/2006; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 9 ngày 31/12/2014. Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 VND.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: BKC.

#### Thông tin về Chi nhánh:

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại tỉnh Thái Nguyên - Địa chỉ: Mỏ Phú Đô, thôn Cầu Đá, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Xi nghiệp Khai thác và chế biến khoáng sản Chợ Đồn - Địa chỉ: Thôn Lũng Văng, xã Bằng Lăng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- ✓ Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- ✓ Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản rau quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- ✓ Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ;
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Thăm dò khai khoáng; Chung, tinh cát và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Bên liên quan

Bên liên quan của Công ty:

- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị quản lý	05
Tài sản cố định khác	05 - 06

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Các tài sản vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng tài sản.

Thời gian khấu hao:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u> (năm)
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 228. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí trả trước ngắn hạn**

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị khai thác mỏ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, các chi phí trong quá trình đầu tư xây dựng mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 06 đến 12 tháng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông. Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 20.612.131.004 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 28.511.775.390 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	931.257.260	141.807.170
Tiền gửi ngân hàng	826.732.228	2.712.956.425
<b>Cộng</b>	<b><u>1.757.989.488</u></b>	<b><u>2.854.763.595</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc bộ	23.427.198.600	-
Công ty Cổ phần ĐT TM & Du lịch Bó Nặm	2.897.857.320	2.897.857.320
Cty TNHH tập đoàn Thiên Mã	1.208.333.335	-
Công ty Cổ phần Luyện kim Vĩnh Phát	-	7.215.120.276
Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc	-	957.274.500
Đối tượng khác	816.210.204	980.354.689
<b>Cộng</b>	<b><u>28.349.599.459</u></b>	<b><u>12.050.606.785</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty CP TV khảo sát thiết kế & XD mỏ địa chất	420.000.000	420.000.000
Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ	230.000.000	180.000.000
Công ty TNHH Hoàng Tốt	214.305.575	303.403.712
Công ty TNHH Thanh Bình	200.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Ngân	70.000.000	70.000.000
Các đối tượng khác	1.198.124.089	856.439.270
<b>Cộng</b>	<b><u>2.332.429.664</u></b>	<b><u>1.829.842.982</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Quý khen thưởng phúc lợi	272.704.550	272.704.550
Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc	204.343.378	267.256.241
Nguyễn Văn Nghĩa	200.000.000	-
Phòng kinh doanh	-	150.000.000
Đối tượng khác	2.414.155.879	1.787.527.304
<b>Cộng</b>	<b><u>3.091.203.807</u></b>	<b><u>2.477.488.095</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	70.394.140	60.084.140
Nguyên liệu, vật liệu	16.521.278.455	8.540.503.678
Công cụ, dụng cụ	848.470.482	563.609.945
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.706.908.923	3.301.313.969
Thành phẩm	15.666.605.557	3.717.532.204
Hàng hoá	65.880.414	115.420.987
Hàng gửi đi bán	112.960.643	151.853.812
<b>Cộng</b>	<b>42.992.498.614</b>	<b>16.450.318.735</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b>42.992.498.614</b>	<b>16.450.318.735</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Chi phí trả trước ngắn hạn tăng trong kỳ chủ yếu là chi phí trước hoạt động-chuẩn bị khai thác mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, các chi phí này sẽ được phân bổ cho kỳ kế toán tiếp theo.

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.565.462.212	1.152.567.602
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	130.000.000	85.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.695.462.212</b>	<b>1.237.567.602</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	40.116.814.912	42.028.288.288	4.779.323.645	405.266.569	1.887.963.518	89.217.656.932
Tăng trong kỳ	-	12.152.669.437	-	-	-	12.152.669.437
- Mua sắm	-	12.015.520.642	-	-	-	12.015.520.642
- Tăng khác	-	137.148.795	-	-	-	137.148.795
Tại ngày 31/12/2014	<b>40.116.814.912</b>	<b>54.180.957.725</b>	<b>4.779.323.645</b>	<b>405.266.569</b>	<b>1.887.963.518</b>	<b>101.370.326.369</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	14.842.497.042	25.826.858.396	4.264.009.810	358.516.238	1.362.966.402	46.654.847.888
Khấu hao trong kỳ	2.906.449.719	4.022.890.675	87.564.628	32.672.711	358.250.378	7.407.828.111
Tại ngày 31/12/2014	<b>17.748.946.761</b>	<b>29.849.749.071</b>	<b>4.351.574.438</b>	<b>391.188.949</b>	<b>1.721.216.780</b>	<b>54.062.675.999</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2014	<b>25.274.317.870</b>	<b>16.201.429.892</b>	<b>515.313.835</b>	<b>46.750.331</b>	<b>524.997.116</b>	<b>42.562.809.044</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>22.367.868.151</b>	<b>24.331.208.654</b>	<b>427.749.207</b>	<b>14.077.620</b>	<b>166.746.738</b>	<b>47.307.650.370</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.403.842.190 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 21.744.511.121 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản là hệ thống Nhà máy luyện chì với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 27.117.348.974 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 28.940.898.345 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền khai thác nước khoáng AVA VND	Chi phí sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.050.354.127	795.024.959	1.845.379.086
Tại ngày 31/12/2014	1.050.354.127	795.024.959	1.845.379.086
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	758.086.212	39.751.248	797.837.460
Khấu hao trong kỳ	61.176.176	79.502.496	140.678.672
Tại ngày 31/12/2014	819.262.388	119.253.744	938.516.132
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2014	292.267.915	755.273.711	1.047.541.626
Tại ngày 31/12/2014	231.091.739	675.771.215	906.862.954

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>47.233.308.247</b>	<b>26.675.720.524</b>
<i>Một số công trình chính:</i>		
Nhà máy xử lý chất thải rắn	9.142.124.595	9.142.124.595
Đầu tư mở Nà Bốp - Pù Sáp	17.982.678.612	-
Dự án mở vàng Pắc Lạng	4.235.190.347	4.415.190.347
Đường, công, sân, đập, trạm bơm xường tuyến	2.730.345.841	2.730.345.841
Dự án Nhà máy xi măng Chợ Mới	2.639.741.198	2.639.741.198
Điểm mỏ chì kẽm Tùm Tó, Nà Ruồng	4.497.815.022	1.767.815.022
Mở rộng Nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964
Sửa chữa lớn Xí nghiệp tuyển quặng	1.600.299.829	1.600.299.829
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	1.030.617.713	1.030.617.713
Sửa chữa lớn tại Xí nghiệp Bột kẽm và Ô xít	286.617.446	286.617.446
Nhà máy luyện chì	216.052.423	216.052.423
Xưởng in phun mờ chai	109.286.614	109.286.614
Các công trình khác	1.173.037.643	1.148.128.532

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

a) Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết

	12/31/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và du lịch Bó Nặm	147.509	1.475.086.581	147.509	1.475.086.581
<b>Cộng</b>		<b>1.475.086.581</b>		<b>1.475.086.581</b>

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và du lịch Bó Nặm	Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	26,5%	26,5%	Thương mại và du lịch

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	12/31/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào (i)		4.730.835.820		4.730.835.820
Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim Bắc Kạn	12.000	120.000.000	12.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe khách Nghệ An	1.324.542	13.245.416.075	-	-
<b>Cộng</b>		<b>18.096.251.895</b>		<b>4.850.835.820</b>

**Ghi chú:** (i) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào, Công ty chưa được phát hành cổ phiếu tương ứng với phần vốn đã đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo này Công ty chưa thu thập được báo cáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào, nên Công ty chưa xác định được tỷ lệ vốn đầu tư.

**17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn phản ánh giá trị dự phòng của khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An - Mã cổ phiếu là NBS; trên cơ sở giá tham chiếu tại ngày 31/12/2014 của Sàn Giao dịch Upcom.

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	482.500.299	110.569.502
Chi phí chạy thử nhà máy luyện chì	1.894.534.622	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	878.475.670	2.753.484.088
<b>Cộng</b>	<b>3.255.510.591</b>	<b>2.864.053.590</b>

**19. TÀI SẢN SẴN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ hoàn môi trường	244.395.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn - Khai thác mỏ	5.269.065.639	269.065.639
<b>Cộng</b>	<b>5.513.460.639</b>	<b>269.065.639</b>

**20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng</b>	<b>34.282.962.655</b>	<b>8.421.390.755</b>
Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam - CN Bắc Kạn	24.289.773.223	870.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn (i)	9.993.189.432	7.551.390.755
<b>Vay các cá nhân</b>	<b>3.967.342.464</b>	<b>5.188.299.452</b>
- Ông Mai Thanh Sơn	2.605.342.464	-
- Đối tượng khác	1.362.000.000	5.188.299.452
<b>Cộng</b>	<b>38.250.305.119</b>	<b>13.609.690.207</b>

**Ghi chú:** (i) Hợp đồng Số 03.06/2014-HĐTDHM/NHCT172-Khoangsan ngày 13/06/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 13/06/2014, hạn mức tiền vay là 10 tỷ đồng, lãi suất tiền vay là 9,5%/ năm. Khoản vay được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.03.2012/HĐTC-DN ngày 12/04/2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH tập đoàn Thiên mã	2.451.072.379	-
Công ty CP luyện kim Vĩnh Phát	3.086.666.415	-
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	827.164.800	-
Công ty TNHH Hoàng Tốt	-	246.456.157
Công ty TNHH một thành viên 27	-	205.254.830
Công ty Cổ phần Tư vấn mỏ	-	100.000.000
Các đối tượng khác	6.735.669.423	5.494.082.300
<b>Cộng</b>	<b><u>13.100.573.017</u></b>	<b><u>6.045.793.287</u></b>

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH dịch vụ ANB	4.277.904.400	-
Tổng công ty KS Luyện Kim Liên Châu Trung Quốc	-	20.637.454.164
Đối tượng khác	682.124.177	445.132.939
<b>Cộng</b>	<b><u>4.960.028.577</u></b>	<b><u>21.082.587.103</u></b>

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>12/31/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	1.199.220.152	82.929.572
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.189.799	57.751.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.782.977	401.782.977
Thuế thu nhập cá nhân	378.089.089	-
Thuế tài nguyên	426.185.460	3.375.000
Các loại thuế khác	845.620.920	2.245.230
<b>Cộng</b>	<b><u>3.294.088.397</u></b>	<b><u>548.083.819</u></b>

**24. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư Phải trả người lao động tại ngày 31/12/2014 với số tiền 9.241.114.331 đồng bao gồm tiền lương chưa thanh toán hết cho người lao động tại Văn phòng Công ty là 2.403.876.374 đồng; tại Xí nghiệp Khai thác Bàng Lãng 5.219.815.037 đồng và lương chưa thanh toán hết cho người lao động tại các đơn vị phụ thuộc khác.

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ	904.650.310	403.474.623
Phải trả, phải nộp khác	9.347.457.776	10.619.556.969
- Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (i)	2.750.000.000	5.250.000.000
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (ii)	3.911.834.400	3.911.834.400
- Tiền cổ tức phải trả	354.055.160	354.055.160
- Phải trả, phải nộp khác	2.331.568.216	1.103.667.409
<b>Cộng</b>	<b><u>10.252.108.086</u></b>	<b><u>11.023.031.592</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

Ghi chú:

(i) Tiền đặt cọc theo thỏa thuận đầu tư khai thác tại mỏ vàng Pắc Lạng giữa Công ty với tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư khai thác.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc, mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì thô tại khu vực Chợ Đồn, Bắc Kạn. Công ty góp 13 tỷ đồng (chiếm 65% giá trị dự án) bằng quyền sử dụng đất, nguyên liệu và các cơ sở vật chất hạ tầng có sẵn; Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc góp 7 tỷ đồng (chiếm 35% giá trị dự án) bằng máy móc thiết bị, kỹ thuật công nghệ, chi phí lắp máy. Sau khi đã trừ chi phí và các khoản thuế phải nộp Công ty được chia 65% lợi nhuận hoặc các khoản lỗ; Công ty Liên doanh kim loại màu Việt Bắc được chia 35% lợi nhuận hoặc các khoản lỗ.

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	60.347.000.000	16.075.321.615	(6.644.838.836)	11.374.860.593	2.025.846.951	(7.628.079.873)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	(20.883.695.517)
Tăng khác	-	977.569.124	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	6.644.838.836	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014	60.347.000.000	17.052.890.739	-	11.374.860.593	2.025.846.951	(28.511.775.390)
Tăng vốn trong năm	57.030.280.000	4.451	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	7.899.644.386
Số dư tại ngày 31/12/2014	117.377.280.000	17.052.895.190	-	11.374.860.593	2.025.846.951	(20.612.131.004)

**Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	6.034.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	6.034.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận khai thác và chế biến khoáng sản, Bộ phận Rượu và nước giải khát và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận khai thác và chế biến khoáng sản: Khai thác, chế biến các loại khoáng sản đã được cấp phép.

Bộ phận Rượu và nước giải khát: Sản xuất và tiêu thụ rượu men lá.

Bộ phận khác: Sản xuất kinh doanh nước AVA, hoạt động khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014**

	Đơn vị tính: VND			
	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	44.401.836.324	3.812.677.000	-	48.214.513.324
Xây dựng cơ bản dở dang	47.233.308.247	-	-	47.233.308.247
Các khoản phải thu	31.371.665.228	1.259.708.475	-	32.631.373.703
Hàng tồn kho	36.238.043.898	6.754.454.716	-	42.992.498.614
Tài sản không thể phân bổ	40.959.580.157	237.169.177	-	35.399.109.264
<b>Tổng tài sản</b>	<b>200.204.433.854</b>	<b>12.064.009.368</b>	-	<b>206.470.803.152</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	31.221.086.764	303.556.176	-	31.524.642.940
Phải trả tiền vay	38.250.305.119	-	-	38.250.305.119
Nợ phải trả không thể phân bổ	9.237.241.211	117.494.885	-	9.477.103.363
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>78.708.633.094</b>	<b>421.051.061</b>	-	<b>79.252.051.422</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014**

	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra	74.042.175.453	422.491.440	811.216.000	75.275.882.893
Doanh thu thuần từ bán hàng cho	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>74.042.175.453</b>	<b>422.491.440</b>	<b>811.216.000</b>	<b>75.275.882.893</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-	-	21.673.563.341
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	11.542.732.466
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	10.130.830.875
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	15.852.872
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(3.889.019.176)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXDK	-	-	-	1.641.979.815
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	-	-	-	7.899.644.386
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm</b>	-	-	-	<b>7.899.644.386</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014**

	Khai thác và Chế biến khoáng sản, VP	Rượu và nước giải khát	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	38.338.726.807	5.271.623.863	-	43.610.350.670
Xây dựng cơ bản dở dang	26.675.720.524	-	-	26.675.720.524
Các khoản phải thu	14.900.959.498	1.279.982.189	-	16.180.941.687
Hàng tồn kho	9.494.075.305	6.956.243.430	-	16.450.318.735
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	14.990.786.516
<b>Tổng tài sản</b>				<b>117.908.118.132</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	-	-	-	41.414.030.228
Phải trả tiền vay	-	-	-	13.609.690.207
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	304.870.254
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>55.619.295.239</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm	75.324.702.474	13.155.451.927
	<b>75.324.702.474</b>	<b>13.155.451.927</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.819.581	165.386.166
	<b>75.275.882.893</b>	<b>12.990.065.761</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp thành phẩm	53.602.319.552	26.963.888.242
<b>Cộng</b>	<b>53.602.319.552</b>	<b>26.963.888.242</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.729.518.508
Chi phí nhân công	18.785.473.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.061.678.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.300.992.974
Chi phí khác	5.236.279.867
<b>Cộng</b>	<b>63.113.943.768</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.792.745.194	1.248.931.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	868.766.527
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.797.400.000	-
Chi phí tài chính khác	298.873.982	-
<b>Cộng</b>	<b>3.889.019.176</b>	<b>2.117.698.367</b>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014
	VND
Chi phí nhân công	5.330.253.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.762.783
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.755.998.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.615.321.840
Chi phí khác	1.188.541.333
<b>Cộng</b>	<b>11.467.877.907</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014
	VND
<i>Thu nhập khác</i>	
Thu từ cho thuê văn phòng	1.136.363.637
Thu thanh lý phế liệu	56.463.636
Thu nhập khác	2.049.848.667
<b>Cộng</b>	<b>3.242.675.940</b>
<i>Chi phí khác</i>	
Chi phí khác	1.600.696.125
<b>Cộng</b>	<b>1.600.696.125</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.641.979.815</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.899.644.386	(20.883.695.517)
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>	<i>(7.899.644.386)</i>	<i>(72.556.886)</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.589.581.842)	-
- Chuyển lỗ năm các năm trước	(7.589.581.842)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	310.062.544	72.556.886
- Các khoản chi phí khác	310.062.544	72.556.886
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(20.956.252.403)</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Trong năm, ngoài giá trị 310.062.544 đồng chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế, Công ty đã xác định thu nhập chịu thuế bằng với lợi nhuận kế toán trước thuế chưa phân phối. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.899.644.386	(20.883.695.517)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty	7.899.644.386	(20.883.695.517)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	6.831.561	5.528.581
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của công ty</b>	<b>1.156</b>	<b>(3.777)</b>

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>12/31/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	38.250.305.119	13.609.690.207
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.757.989.488	2.854.763.595
Nợ thuần	36.492.315.631	10.754.926.612
Vốn chủ sở hữu	<u>127.218.751.730</u>	<u>62.288.822.893</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,29</u>	<u>0,17</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>12/31/2014</u>	<u>01/01/2014</u>	<u>12/31/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.757.989.488	2.854.763.595	1.757.989.488	2.854.763.595
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.440.803.266	14.528.094.880	31.440.803.266	14.528.094.880
Đầu tư tài chính dài hạn	17.773.938.476	6.573.532.491	17.773.938.476	6.573.532.491
Các khoản ký quỹ	5.643.460.639	354.065.639	5.643.460.639	354.065.639
<b>Tổng cộng</b>	<u>56.616.191.869</u>	<u>24.310.456.605</u>	<u>56.616.191.869</u>	<u>24.310.456.605</u>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	38.250.305.119	13.609.690.207	38.250.305.119	13.609.690.207
Phải trả người bán và phải trả khác	23.352.681.103	17.068.824.879	23.352.681.103	17.068.824.879
Chi phí phải trả	122.367.267	47.490.985	122.367.267	47.490.985
<b>Tổng cộng</b>	<u>61.725.353.489</u>	<u>30.726.006.071</u>	<u>61.725.353.489</u>	<u>30.726.006.071</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro lớn khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.757.989.488	-	1.757.989.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.440.803.266	-	31.440.803.266
Đầu tư tài chính dài hạn	17.773.938.476	-	17.773.938.476
Các khoản ký quỹ	130.000.000	5.513.460.639	5.643.460.639
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.102.731.230</b>	<b>5.513.460.639</b>	<b>56.616.191.869</b>
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Các khoản vay	38.250.305.119	-	38.250.305.119
Phải trả người bán và phải trả khác	23.334.681.103	18.000.000	23.352.681.103
Chi phí phải trả	122.367.267	-	122.367.267
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.707.353.489</b>	<b>18.000.000</b>	<b>61.725.353.489</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(10.604.622.259)</b>	<b>5.495.460.639</b>	<b>(5.109.161.620)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.854.763.595	-	2.854.763.595
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.528.094.880	-	14.528.094.880
Đầu tư tài chính dài hạn	6.573.532.491	-	6.573.532.491
Các khoản ký quỹ	85.000.000	269.065.639	354.065.639
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.041.390.966</b>	<b>269.065.639</b>	<b>24.310.456.605</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Các khoản vay	13.609.690.207	-	13.609.690.207
Phải trả người bán và phải trả khác	17.050.824.879	18.000.000	17.068.824.879
Chi phí phải trả	47.490.985	-	47.490.985
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.708.006.071</b>	<b>18.000.000</b>	<b>30.726.006.071</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(6.666.615.105)</b>	<b>251.065.639</b>	<b>(6.415.549.466)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, cho thấy khả năng thanh khoản bị ảnh hưởng, có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các thủ tục xin khoan nợ, giãn nợ đối với các khoản vay đến hạn trả, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và như đã trình bày tại thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Thông tin phát hành cổ phiếu, khi Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu riêng cho các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức là các chủ nợ để tăng vốn điều lệ thì rủi ro thanh khoản ở mức thấp, khả năng thanh toán của Công ty sẽ được đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Bó Nặm  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Công ty liên kết  
Chủ sở hữu

**Số dư với các bên liên quan:**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần ĐTTM và Du lịch Bó Nặm	2.897.857.320	2.897.857.320
<b>Thù nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị	1.140.000.000	445.112.640
Thu nhập của Ban Giám đốc	637.881.450	636.597.453
<b>Cộng</b>	<b><u>1.777.881.450</u></b>	<b><u>1.081.710.093</u></b>

**38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

  
Trần Thị Yến  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Chi  
Kế toán trưởng

  
  
Vũ Phi Hồ  
Tổng Giám đốc  
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2015